

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A6 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 2: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (thiết kế)

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
2	10A6	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	06/04/2011	Nam	26.75	
3	10A6	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	17/12/2011	Nữ	26.50	
4	10A6	Lê Thị Anh Thư	07/03/2011	Nữ	26.25	
5	10A6	Lê Thị Phương Thanh	10/05/2011	Nữ	26.25	
6	10A6	Huỳnh Nguyễn Ngọc Hân	23/05/2011	Nữ	26.00	
7	10A6	Nguyễn Khánh Nam	04/06/2011	Nam	26.00	
8	10A6	Nguyễn Hoàng Gia Hân	17/11/2011	Nữ	25.75	
9	10A6	Đặng Ngọc Ngân Ngân	01/08/2011	Nữ	25.50	
10	10A6	Lê Ngọc Minh Quyên	10/08/2011	Nữ	25.00	
11	10A6	Lê Ngọc Khánh Như	18/07/2011	Nữ	25.00	
12	10A6	Phan Uyển Nhi	16/04/2011	Nữ	25.00	
13	10A6	Cổ Nguyễn Tấn Lộc	23/01/2011	Nam	24.75	
14	10A6	Huỳnh Ngọc Mai Phương	26/12/2011	Nữ	24.67	
15	10A6	Nguyễn Thị Tường Vy	16/04/2011	Nữ	24.50	
16	10A6	Trần Văn Thắng	18/09/2011	Nam	24.25	
17	10A6	Võ Duy Phúc Thiện	28/10/2011	Nam	24.25	
18	10A6	Wu Cheng Yu	17/08/2011	Nam	24.00	
19	10A6	Trần Diễm Hằng	27/10/2011	Nữ	23.75	
20	10A6	Võ Thị Yến Mi	12/09/2011	Nữ	23.50	
21	10A6	Tạ Minh Khôi	27/01/2011	Nam	23.50	
22	10A6	Võ Ngọc Huỳnh Trâm	17/02/2011	Nữ	23.50	
23	10A6	Huỳnh Đăng Khoa	06/02/2011	Nam	23.25	
24	10A6	Huỳnh Tuấn Khanh	03/01/2011	Nam	23.00	
25	10A6	Lê Ngọc Quỳnh Như	18/07/2011	Nữ	22.50	
26	10A6	Nguyễn Mai Thanh	17/08/2011	Nữ	22.50	
27	10A6	Lưu Xuân Mai	13/03/2011	Nữ	22.50	
28	10A6	Hoàng Thị Thúy Vi	10/06/2011	Nữ	22.50	
29	10A6	Võ Hồng Thi	10/05/2011	Nữ	22.25	
30	10A6	Nguyễn Hải Đăng	24/06/2011	Nam	22.25	
31	10A6	Trần Diệu Thảo	17/03/2011	Nữ	22.00	
32	10A6	Võ Phương Băng	16/02/2011	Nữ	22.00	
33	10A6	Lê Thiên Kim	25/05/2011	Nữ	22.00	
34	10A6	Võ Anh Kiệt	01/09/2011	Nam	22.00	
35	10A6	Lê Quốc Cường	13/06/2011	Nam	22.00	
36	10A6	Đinh Thị Huyền Trang	23/11/2011	Nữ	22.00	
37	10A6	Trần Ngọc Phương Quyên	01/10/2011	Nữ	22.00	
38	10A6	Nguyễn Minh Nhật	19/11/2011	Nam	21.75	
39	10A6	Nguyễn Quý Lợi	02/10/2011	Nam	21.50	
40	10A6	Nguyễn Phú Quý	19/11/2011	Nam	21.50	
41	10A6	Văn Ngọc Bảo Ngân	27/11/2011	Nữ	21.50	
42	10A6	Nguyễn Quỳnh Như	06/07/2011	Nữ	21.25	

Danh sách có 42 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A7 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 2: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (thiết kế)

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A7	Phạm Nguyễn Hoàng An	02/03/2011	Nam	21.00	
2	10A7	Võ Thị Huyền Trân	30/03/2011	Nữ	20.83	
3	10A7	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	21/09/2011	Nữ	20.50	
4	10A7	Trần Quốc Thịnh	24/01/2011	Nam	20.00	
5	10A7	Đặng Nguyễn Kim Thanh	26/02/2011	Nữ	20.00	
6	10A7	Châu Ngọc Thảo Vy	26/11/2011	Nữ	20.00	
7	10A7	Châu Nguyễn Bảo Trân	01/04/2011	Nữ	19.75	
8	10A7	Phan Khánh Duy	08/04/2011	Nam	19.75	
9	10A7	Đặng Quốc Cường	17/08/2011	Nam	19.25	
10	10A7	Trần Ngọc Nhã Hân	26/10/2011	Nữ	19.25	
11	10A7	Trần Thị Ngọc Hiền	06/09/2011	Nữ	19.00	
12	10A7	Trần Nguyễn Ngọc Bích	17/10/2011	Nữ	19.00	
13	10A7	Nguyễn Đoàn Quốc Bảo	27/11/2011	Nam	18.75	
14	10A7	Lê Tài Quý	06/06/2011	Nam	18.50	
15	10A7	Nguyễn Trương Gia Bảo	12/10/2011	Nam	18.50	
16	10A7	Cao Chí Nhân	24/05/2011	Nam	18.25	
17	10A7	Nguyễn Hoàng Long	17/03/2011	Nam	18.25	
18	10A7	Nguyễn Hà Duy An	16/02/2011	Nam	18.25	
19	10A7	Lê Ngọc Trà An	24/05/2011	Nữ	18.25	
20	10A7	Phan Lê Ngọc Anh	29/03/2011	Nữ	18.00	
21	10A7	Nguyễn Minh Hiếu	22/02/2011	Nam	18.00	
22	10A7	Trương Trọng Nguyễn	02/08/2011	Nam	17.75	
23	10A7	Huỳnh Phúc Khương	20/10/2011	Nam	17.75	
24	10A7	Huỳnh Tấn Sang	20/04/2011	Nam	17.50	
25	10A7	Nguyễn Thanh Hiếu	10/05/2010	Nam	17.25	
26	10A7	Lê Ngọc Hân	28/07/2011	Nữ	17.25	
27	10A7	Lê Trúc Linh	20/04/2011	Nữ	17.25	
28	10A7	Phan Đình Nguyễn	08/05/2011	Nam	17.00	
29	10A7	Trần Thị Phương Nga	24/05/2011	Nữ	16.75	
30	10A7	Nguyễn Ngọc Phương Linh	11/09/2011	Nữ	16.50	
31	10A7	Lương Kiên Khang	23/09/2011	Nam	16.00	
32	10A7	Lê Nguyễn Anh Thư	29/07/2011	Nữ	15.75	
33	10A7	Lương Lê Minh Thư	29/09/2011	Nữ	15.75	
34	10A7	Nguyễn Minh Thái	07/07/2011	Nam	15.50	
35	10A7	Nguyễn Thị Bảo Oanh	21/01/2011	Nữ	15.25	
36	10A7	Phạm Hoàng Nhật	27/03/2011	Nam	15.00	
37	10A7	Nguyễn Minh Nhân	05/12/2011	Nam	14.75	
38	10A7	Trần Anh Khoa	24/06/2011	Nam	14.25	
39	10A7	Huỳnh Võ Hoàng Nhi	17/06/2011	Nữ	14.25	
40	10A7	Bùi Trọng Tâm	15/09/2011	Nam	13.25	
41	10A7	Ngô Bùi Ngọc Thanh Giang	23/06/2011	Nam	12.25	
42	10A7	Bùi Duy Trường	08/01/2011	Nam	11.75	
43	10A7	Lê Minh Trí	10/10/2011	Nam	11.00	

Danh sách có 43 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A8 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 2: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (thiết kế)

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A8	Đỗ Thị Thanh Diệu	08/12/2011	Nữ	21.00	
2	10A8	Nguyễn Thanh Nhựt	02/12/2011	Nam	20.75	
3	10A8	Nguyễn Tuấn Khanh	21/02/2011	Nam	20.25	
4	10A8	Trần Lê Trọng Phát	29/11/2011	Nam	20.00	
5	10A8	Trần Thị Mộng Huỳnh	04/05/2011	Nữ	20.00	
6	10A8	Trần Đỗ Hồng Yến	13/10/2011	Nữ	20.00	
7	10A8	Phan Trung Chánh	06/02/2011	Nam	19.75	
8	10A8	Phạm Minh Tiến	27/10/2011	Nam	19.50	
9	10A8	Nguyễn Minh Phương	20/10/2011	Nam	19.25	
10	10A8	Lưu Chí Thành	30/05/2011	Nam	19.25	
11	10A8	Đoàn Thị Ngọc Thư	28/09/2011	Nữ	19.00	
12	10A8	Đoàn Gia Bảo	14/10/2011	Nam	18.75	
13	10A8	Nguyễn Lê Vy	25/11/2011	Nữ	18.75	
14	10A8	Nguyễn Ngọc Hân	16/01/2011	Nữ	18.50	
15	10A8	Nguyễn Thành Lộc	21/10/2011	Nam	18.33	
16	10A8	Phạm Ngọc Minh Anh	26/08/2011	Nữ	18.25	
17	10A8	Trần Nguyễn Thảo Quyên	12/03/2011	Nữ	18.25	
18	10A8	Nguyễn Minh Phúc	11/12/2011	Nam	18.25	
19	10A8	Nguyễn Minh Hưng	29/11/2011	Nam	18.25	
20	10A8	Nguyễn Thị Khánh Lam	27/01/2011	Nữ	18.00	
21	10A8	Châu Ngọc Thanh Vy	19/03/2011	Nữ	18.00	
22	10A8	Trần Hoàng Nghĩa	15/07/2011	Nam	17.75	
23	10A8	Mai Thị Hồng Thắm	02/11/2011	Nữ	17.75	
24	10A8	Trần Châu Bảo Ngọc	30/09/2011	Nữ	17.50	
25	10A8	Đỗ Thị Ngọc Giàu	21/10/2011	Nữ	17.25	
26	10A8	Lê Vũ Ngân Khánh	03/09/2011	Nữ	17.25	
27	10A8	Nguyễn Thành Phúc	20/02/2011	Nam	17.00	
28	10A8	Trần Thị Kim Loan	09/04/2011	Nữ	17.00	
29	10A8	Đặng Huỳnh Nghĩa	22/07/2011	Nam	16.75	
30	10A8	Cao Thanh Ngọc	01/06/2011	Nữ	16.50	
31	10A8	Trần Huỳnh Nguyễn Phương	07/07/2011	Nữ	16.00	
32	10A8	Trần Hoàng Gia Khang	06/06/2011	Nam	15.75	
33	10A8	Nguyễn Tấn Phát	09/03/2011	Nam	15.50	
34	10A8	Đặng Nguyễn Hoàng	11/10/2011	Nam	15.25	
35	10A8	Đinh Gia Bảo	21/07/2011	Nam	15.25	
36	10A8	Huỳnh Mai Phước Thịnh	11/05/2011	Nam	15.00	
37	10A8	Nguyễn Ngọc Hân	21/11/2011	Nữ	14.75	
38	10A8	Trương Thành Tiến Phát	04/01/2011	Nam	14.25	
39	10A8	Trần Thị Tuyết Loan	17/01/2011	Nữ	13.50	
40	10A8	Nguyễn Quốc Anh	18/04/2011	Nam	12.75	
41	10A8	Nguyễn Huỳnh Trọng Nhân	04/08/2011	Nam	12.08	
42	10A8	Phạm Thị Mỹ Ngân	10/11/2011	Nữ	11.75	
43	10A8	Võ Anh Quân	17/10/2011	Nam	11.00	

Danh sách có 43 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A9 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 2: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (thiết kế)

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A9	Nguyễn Trần Ngọc Duy	10/06/2011	Nam	21.00	
2	10A9	Nguyễn Trí Đức	22/10/2011	Nam	20.75	
3	10A9	Vưu Nguyễn Khánh Linh	04/03/2011	Nữ	20.25	
4	10A9	Nguyễn Minh Đạt	15/12/2011	Nam	20.00	
5	10A9	Nguyễn Ngọc Hồng Phúc	25/05/2011	Nữ	20.00	
6	10A9	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	31/12/2011	Nữ	19.75	
7	10A9	Lê Nguyễn Quốc Bảo	25/05/2011	Nam	19.75	
8	10A9	Nguyễn Ngọc Vy	09/11/2011	Nữ	19.33	
9	10A9	Nguyễn Ngọc Phước	26/08/2011	Nam	19.25	
10	10A9	Huỳnh Duy Khang	05/12/2011	Nam	19.00	
11	10A9	Ngô Đoàn Quỳnh Như	04/03/2011	Nữ	19.00	
12	10A9	Cù Thị Bảo Thy	23/02/2011	Nữ	18.75	
13	10A9	Trần Thị Yến Linh	30/11/2011	Nữ	18.75	
14	10A9	Lê Hoàng Hải	25/02/2011	Nam	18.50	
15	10A9	Phan Nhất Bảo	11/11/2011	Nam	18.25	
16	10A9	Võ Huy Bình	16/11/2011	Nam	18.25	
17	10A9	Trần Ngọc Kiều Trang	16/11/2011	Nữ	18.25	
18	10A9	Trần Thanh Nhân	09/12/2011	Nam	18.25	
19	10A9	Nguyễn Ngọc Thu Ngân	10/12/2011	Nữ	18.00	
20	10A9	Huỳnh Minh Trí	27/01/2011	Nam	18.00	
21	10A9	Trần Như Ngọc	23/05/2011	Nam	17.75	
22	10A9	Trương Văn Đạt	25/10/2011	Nam	17.75	
23	10A9	Nguyễn Gia Bảo	24/06/2011	Nam	17.50	
24	10A9	Trương Thị Thảo Linh	07/08/2011	Nữ	17.25	
25	10A9	Lê Trọng Khang	28/09/2011	Nam	17.25	
26	10A9	Trần Ngọc Minh Châu	07/09/2011	Nam	17.25	
27	10A9	Trần Thị Huyền Trân	12/03/2011	Nữ	17.00	
28	10A9	Phạm Nguyễn Thanh Hoàng	01/05/2011	Nam	16.75	
29	10A9	Lê Ngọc Thương	13/03/2011	Nữ	16.75	
30	10A9	Phạm Minh Nhật	15/09/2011	Nam	16.25	
31	10A9	Bùi Tấn Tài	13/09/2011	Nam	16.00	
32	10A9	Nguyễn Lê Khánh Vy	14/06/2011	Nữ	15.75	
33	10A9	Nguyễn Hoàng An	04/04/2011	Nam	15.50	
34	10A9	Nguyễn Thị Bảo Yến	21/01/2011	Nữ	15.25	
35	10A9	Võ Ngọc Ý	22/08/2011	Nữ	15.25	
36	10A9	Phạm Văn Quang Vinh	30/12/2010	Nam	15.00	
37	10A9	Nguyễn Minh Tiến	14/12/2011	Nam	14.25	
38	10A9	Phan Minh Phú	27/11/2011	Nam	14.25	
39	10A9	Phạm Nguyễn Hoàng Minh Nhựt	23/05/2011	Nam	13.50	
40	10A9	Mai Quốc Đạt	18/11/2011	Nam	12.50	
41	10A9	Lê Hà Anh Tuấn	18/12/2011	Nam	12.00	
42	10A9	Lê Thành Đạt	06/09/2010	Nam	11.50	

Danh sách có 42 học sinh